| BỘ XÂY DỰNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 1093/QĐ-BXD | *Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

## BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Đường sắt ngày 27 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29 ngày 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Xét Tờ trình số 1668/TTr-CĐSVN ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Cục Đường sắt Việt Nam về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và văn bản số 1689/CĐSVN-KHTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Cục Đường sắt Việt Nam về việc bổ sung, làm rõ một số nội dung về điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nội dung như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 của Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

- Điều chỉnh tuyến Kép - Chí Linh thành tuyến Kép - Hạ Long - Cái Lân;

- Điều chỉnh định hướng quản lý, đầu tư các tuyến đường sắt hiện có đến năm 2050.

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 1 của Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

- Điều chỉnh phạm vi, quy mô một số tuyến đường sắt xây dựng mới.

- Điều chỉnh quy mô, lộ trình đầu tư các tuyến đường sắt quốc gia, ga đầu mối hành khách khu đầu mối Hà Nội.

3. Cập nhật các nội dung tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các nội dung Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III của Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 và Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2025 thành Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 và số 2404/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2025.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Thủ trưởng các đơn vị: Văn phòng Bộ, các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Quy hoạch - Kiến trúc; Cục trưởng các Cục: Đường sắt Việt Nam, Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Kết cấu hạ tầng xây dựng và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng;
- Cổng TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC

**KT. BỘ TRƯỞNG**
**THỨ TRƯỞNG**

BỘ XÂY DỰNG

**Nguyễn Danh Huy**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC CÁC TUYẾN ĐƯỜNG SẮT ĐIỀU CHỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số 1093/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

| TT | Tuyến/Công trình | Chiều dài dự kiến (km) | Khổ đường (mm) | Lộ trình đầu tư | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | Đến năm 2030 | Sau năm 2030 |
| **I** | **Đường sắt hiện có** | | | | |
| 1 | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh | 1.726 | 1000 | x | x |
| 2 | Hà Nội - Lào Cai | 296 | 1000 | x | x |
| 3 | Hà Nội - Hải Phòng | 102 | 1000 | x | x |
| 4 | Hà Nội - Thái Nguyên | 55 | 1000 và 1435 | x | x |
| 5 | Hà Nội - Lạng Sơn | 167 | 1000 và 1435 | x | x |
| 6 | Kép - Hạ Long - Cái Lân | 108 | 1000 và 1435 | x | x |
| 7 | Kép - Lưu Xá | 56 | 1435 | | x |
| **II** | **Đường sắt xây dựng mới** | | | | |
| 1 | Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng | 363 | 1435 | x | x |
| 2 | Biên Hòa - Vũng Tàu | 132 | 1435 | x | x |
| 3 | Hà Nội - Đồng Đăng | 156 | 1435 | x | x |
| 4 | Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh | 128 | 1435 | x | x |
| 5 | Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau | 320 | 1435 | x | x |
| 6 | Vũng Áng - Mụ Giạ | 105 | 1435 | x | x |
| 7 | Tháp Chàm - Đà Lạt | 84 | 1000 | x | x |
| 8 | Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Gia Lai - Đắk Lắk - Lâm Đồng - Đồng Nai | 550 | 1435 | | x |
| 9 | Ninh Bình - Hưng Yên - Hải Phòng | 64 | 1435 | | x |
| 10 | Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái | 187 | 1435 | x | x |
| 11 | Vành đai phía Đông thành phố Hà Nội: đoạn Ngọc Hồi - Kim Sơn | 31 | 1435 | x | x |
| 12 | Vành đai phía Tây thành phố Hà Nội: đoạn Ngọc Hồi - Thạch Lỗi | 54 | 1435 | | x |
| 13 | Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài | 61 | 1435 | | x |
| 14 | An Bình - Sài Gòn - Tân Kiên | 33 | 1435 | x | x |
| 15 | Mỹ Thủy - Lao Bảo | 114 | 1435 | | x |
| 16 | Thái Nguyên - Tuyên Quang - Lào Cai | 73 | 1435 | | x |
| **III** | **Đường sắt tốc độ cao** | | | | |
| 1 | Trên trục Bắc - Nam | 1.541 | 1435 | x | x |
| 2 | Hà Nội - Quảng Ninh | 124 | 1435 | x | |

# Phụ lục II

## ĐỊNH HƯỚNG KẾT NỐI MẠNG LƯỚI ĐƯỜNG SẮT VỚI CÁC ĐẦU MỐI, PHƯƠNG THỨC VẬN TẢI KHÁC ĐIỀU CHỈNH[1]

*(Kèm theo Quyết định số 1093/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

| TT | Dự kiến các ga đường sắt kết nối khi có nhu cầu | Đầu mối kết nối | Tuyến đường sắt kết nối |
|---|---|---|---|
| **I** | **Kết nối cảng biển** | | |
| 1 | Ga Nam Hải Phòng (ga xây dựng mới) | Cảng Đình Vũ, Lạch Huyện, Nam Đồ Sơn (Hải Phòng) | Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng |
| 2 | Ga Cái Lân | Cảng Cái Lân (Quảng Ninh) | Kép - Hạ Long - Cái Lân |
| 3 | Ga Nam Định | Cảng Thịnh Long và Khu kinh tế Ninh Cơ (Ninh Bình) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 4 | Ga Trường Lâm | Cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 5 | Ga Quán Hành/Ga Nghi Long | Cảng Cửa Lò (Nghệ An) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 6 | Ga Thừa Lưu | Cảng Chân Mây (Huế) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 7 | Ga Kim Liên | Cảng Liên Chiểu (Đà Nẵng) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 8 | Ga An Tân (khu gian Diêm Phổ - Trị Bình) | Cảng Dung Quất (Quảng Ngãi) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9 | Ga Tu Bông | Cảng Vân Phong (Khánh Hòa) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10 | Ga Ngã Ba | Cảng Ba Ngòi (Khánh Hòa) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 11 | Ga Cà Ná | Cảng Cà Ná (Khánh Hòa) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 12 | Ga Phan Thiết | Cảng Phan Thiết (Lâm Đồng) | Bình Thuận - Phan Thiết |
| 13 | Ga Thị Vải | Cảng Cái Mép - Thị Vải (Thành phố Hồ Chí Minh) | Biên Hòa - Vũng Tàu |
| 14 | Ga Thạnh Đức | Cảng Hiệp Phước (Thành phố Hồ Chí Minh) | Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ |
| **II** | **Kết nối cảng hàng không** | | |
| 1 | Ga Long Thành | Cảng hàng không quốc tế Long Thành (Đồng Nai) | Đường sắt đô thị, Thủ Thiêm - Long Thành; đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam |

[1] Định hướng bố trí các ga đường sắt để kết nối với các đầu mối vận tải khi có nhu cầu, làm cơ sở để các địa phương, nhà đầu tư quan tâm triển khai thực hiện đầu tư và làm cơ sở để tích hợp vào quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh nhằm bảo đảm tính đồng bộ của các quy hoạch.

| TT | Dự kiến các ga đường sắt kết nối khi có nhu cầu | Đầu mối kết nối | Tuyến đường sắt kết nối |
|---|---|---|---|
| 2 | Các ga thuộc khu đầu mối thành phố Hà Nội | Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cảng hàng không thứ hai Hà Nội | Đường sắt đô thị |
| 3 | Ga Bình Triệu, ga Thủ Thiêm | Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Cảng hàng không quốc tế Long Thành | Đường sắt đô thị |
| 4 | Ga Hải Phòng | Cảng hàng không quốc tế Cát Bi | Đường sắt đô thị |
| 5 | Ga Đà Nẵng mới | Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng | Đường sắt đô thị |
| **III** | **Kết nối cảng thủy nội địa** | | |
| 1 | Ga Việt Trì | Cảng Việt Trì (sông Hồng) | Yên Viên - Lào Cai |
| 2 | Ga Ninh Bình | Cụm cảng Ninh Bình - Ninh Phúc (sông Đáy) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| **IV** | **Kết nối cảng cạn, trung tâm logistics** | | |
| 1 | Ga Lào Cai | Cảng cạn Lào Cai | Hà Nội - Lào Cai |
| 2 | Ga Nam Phúc Yên | Cảng cạn Vĩnh Phúc | Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng |
| 3 | Ga Lương Tài | Cảng cạn Văn Lâm (Hưng Yên), Cảng cạn Gia Bình[2] | Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng |
| 4 | Ga Yên Thường | Cảng cạn Tiên Sơn (Bắc Ninh) | Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng |
| 5 | Ga Kép, ga Sen Hồ | Cảng cạn Bắc Giang (Đồng Sơn, Hương Sơn) | Hà Nội - Đồng Đăng |
| 6 | Ga Yên Trạch | Cảng cạn Lạng Sơn | Hà Nội - Đồng Đăng |
| 7 | Ga Đồng Đăng | Khu trung chuyển hàng hóa và logistics cửa khẩu Hữu Nghị | Hà Nội - Đồng Đăng |
| 8 | Ga Đà Nẵng mới | Cảng cạn Hòa Nhơn (Đà Nẵng) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 9 | Ga Diêu Trì, ga Phước Lộc, ga Canh Vinh | Cảng cạn Quy Nhơn (Gia Lai) | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| 10 | Ga Trảng Bom | Các cảng cạn, trung tâm logistics khu vực Đông Nam Bộ | Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh |
| **V** | **Kết nối với đường sắt chuyên dùng** | | |
| 1 | Ga Phố Lu, ga Xuân Giao A | Khu mỏ Apatit Lào Cai | Yên Viên - Lào Cai |
| 2 | Ga Uông Bí, ga Chí Linh, ga Mạo Khê | Khu mỏ than khu vực Quảng Ninh | Kép - Hạ Long - Cái Lân |
| 3 | Ga Yên Trạch | Nhánh Mai Pha - Na Dương | Hà Nội - Đồng Đăng |

[2] Lưu ý, nghiên cứu phương án tuyến nhánh đường sắt kết nối từ khu vực cảng cạn Gia Bình đến ga Lương Tài bảo đảm hạn chế tối đa ảnh hưởng tới đời sống sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp, đặc biệt đối với đoạn đi song hành với đường Vành đai 4 thành phố Hà Nội.

| TT | Dự kiến các ga đường sắt kết nối khi có nhu cầu | Đầu mối kết nối | Tuyến đường sắt kết nối |
|---|---|---|---|
| **VI** | **Đường sắt kết nối nội vùng** | | |
| 1 | Các ga chính của đầu mối đường sắt thành phố Hà Nội: Ngọc Hồi, Gia Lâm, Yên Thường, Thường Tín (mới),... | Quy hoạch một số tuyến đường sắt kết nối Hà Nội với các địa phương (Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Phú Thọ,...) | |
| 2 | Các ga chính khu đầu mối đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh: Thủ Thiêm, An Bình, Tân Kiên, Trảng Bom… | Quy hoạch một số tuyến đường sắt kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với các địa phương (Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh,...) | |
| 3 | Các tuyến đường sắt kết nối các trung tâm kinh tế, đô thị... tại các tỉnh, thành phố | | |

**Phụ lục III**

**ĐIỀU CHỈNH MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 1769/QĐ-TTG NGÀY 19 THÁNG 10 NĂM 2021 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 2404/QĐ-TTG NGÀY 29 THÁNG 10 NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1093/QĐ-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 1 của Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 mục II như sau:

- "a) Mạng lưới đường sắt hiện có gồm 07 tuyến, tổng chiều dài khoảng 2.510 km:"

- Gạch đầu dòng thứ sáu: "- Tuyến Kép - Hạ Long - Cái Lân: đường đơn, khổ đường duy trì như hiện tại, chiều dài khoảng 108 km"

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 mục II như sau:

"Từng bước đầu tư cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa để khai thác hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách; hoàn thiện kết nối đường sắt tại các khu đầu mối; duy trì, phát triển các nhánh đường sắt kết nối cảng biển; tiếp tục cải tạo, mở rộng các ga đường sắt kết nối với đường sắt chuyên dùng, đường sắt địa phương. Nghiên cứu chuyển đổi công năng giao một số tuyến/đoạn tuyến đường sắt hiện có để giao các địa phương quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả".

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 mục II

- Gạch đầu dòng thứ hai: "Từng bước xây dựng các tuyến đường sắt kết nối vùng, liên vùng phù hợp nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực, bảo đảm hiệu quả đầu tư: đường sắt ven biển Ninh Bình - Hưng Yên - Hải Phòng, Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái (kết nối với Trung Quốc), Thái Nguyên - Tuyên Quang - Lào Cai, Mỹ Thủy - Lao Bảo (kết nối với Lào), Thành phố Hồ Chí Minh - Tây Ninh (định hướng kết nối với Campuchia), đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Gia Lai - Đắk Lắk - Lâm Đồng - Đồng Nai); khôi phục tuyến đường sắt Tháp Chàm - Đà Lạt; hoàn thành các tuyến đường sắt tại các khu đầu mối".

2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 1 của Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

a) Bãi bỏ nội dung gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 1.

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ ba điểm b khoản 1: "Điều chỉnh phạm vi, quy mô, công năng các tuyến: vành đai phía Đông - Thành phố Hà Nội, Ninh Bình - Hưng Yên - Hải Phòng, Vũng Áng - Mụ Giạ, Biên Hòa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau, Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Gia Lai - Đắk Lắk - Lâm Đồng - Đồng Nai; nghiên cứu chuyển các hạng mục hạ tầng đã đầu tư đoạn Lim - Phả Lại để làm đường sắt địa phương, công trình hạ tầng giao thông hoặc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội để khai thác hiệu quả, phù hợp mô hình tổ chức không gian mới của các địa phương".

c) Điều chỉnh điểm a khoản 3:

- Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất: "Đường sắt quốc gia qua Hà Nội đi theo các tuyến/đoạn tuyến: đoạn Thạch Lỗi - Kim Sơn (thuộc tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng), vành đai phía Đông đoạn Kim Sơn - Ngọc Hồi, vành đai phía Tây đoạn Ngọc Hồi - Thạch Lỗi. Quy mô đường đôi, khổ 1435 mm".

- Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai: "ga đầu mối hành khách, gồm: Ngọc Hồi, Gia Lâm (ga đường sắt đô thị kết hợp ga đường sắt quốc gia khổ tiêu chuẩn, xây mới và khổ 1000 mm hiện hữu); ga đầu mối hàng hóa, gồm: Thường Tín (mới), Yên Thường. Bàn giao đoạn tuyến đường sắt Ngọc Hồi - Gia Lâm cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để xây dựng đường sắt địa phương khi đủ điều kiện, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động vận tải đường sắt".

3. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục III[3] của Quyết định số 2404/QĐ-TTg ngày 29 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

a) Điều chỉnh, bổ sung điểm a khoản 2 mục I Điều 1 như sau:

Cải tạo nâng cấp để khai thác có hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có; hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, thu xếp nguồn lực để khởi công một số tuyến đường sắt mới trong đó ưu tiên tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến Biên Hoà - Vũng Tàu, các tuyến kết nối cảng biển cửa ngõ quốc tế, sân bay quốc tế, đường sắt đầu mối tại thành phố lớn, với một số mục tiêu cụ thể:

- Về vận tải: khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 16,6 triệu tấn, chiếm thị phần khoảng 0,31%; khối lượng vận chuyển hành khách đạt 555,6 triệu khách, chiếm thị phần khoảng 4,80% (trong đó đường sắt quốc gia 26,9 triệu khách, chiếm thị phần khoảng 0,23%). Khối lượng luân chuyển hàng hóa đạt 15,1 tỷ tấn.km, chiếm thị phần khoảng 2,28%; hành khách 16,1 tỷ khách.km, chiếm thị phần khoảng 3,53% (trong đó đường sắt quốc gia 10,7 tỷ khách.km, chiếm thị phần khoảng 2,35%).

- Về kết cấu hạ tầng: Nâng cấp, cải tạo bảo đảm an toàn chạy tàu 07 tuyến đường sắt hiện có; triển khai đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam; đường sắt kết nối với cảng biển cửa ngõ quốc tế khu vực Hải Phòng, Bà Rịa - Vũng Tàu và cửa khẩu quốc tế quan trọng. Ưu tiên xây dựng mới các tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến đường sắt Biên Hoà - Vũng Tàu. Đầu tư xây dựng các tuyến đường sắt đầu mối Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; kết nối Thành phố Hồ Chí Minh với Cần Thơ; kết nối quốc tế với Trung Quốc, Lào và Campuchia phù hợp với các hiệp định vận tải quốc tế và đồng bộ với tiến độ đầu tư của các nước trong khu vực.

b) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung khoản 1 mục II Điều 1 như sau:

- Sửa đổi điểm a, gạch đầu dòng thứ nhất: Tuyến Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh từ ga Hà Nội đến ga Sài Gòn: đường đơn, khổ 1000 mm, chiều dài khoảng

[3] Hiệu chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 1769/QĐ-TTG ngày 19 tháng 10 năm 2021

1.726 km, trong đó: đoạn từ Phú Xuyên đến Ngọc Hồi đi chung hành lang với tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam".

- Sửa đổi điểm a, gạch đầu dòng thứ hai: Tuyến Hà Nội - Lào Cai từ ga Yên Viên đến ga Lào Cai: đường đơn, khổ 1000 mm, chiều dài khoảng 296 km".

- Sửa đổi điểm a, gạch đầu dòng thứ ba: "- Tuyến Hà Nội - Hải Phòng từ ga Gia Lâm đến ga Hải Phòng: đường đơn, khổ 1000 mm, chiều dài khoảng 102 km".

- Sửa đổi điểm b: "Quy hoạch 12 tuyến đường sắt mới, tổng chiều dài khoảng 3.204 km".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ nhất: "- Tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam từ ga Ngọc Hồi đến ga Thủ Thiêm: đường đôi, khổ 1.435 mm, chiều dài khoảng 1.541 km".

- Bổ sung vào điểm b, giữa gạch đầu dòng thứ nhất và thứ hai: "- Tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh từ ga Cổ Loa (kết nối với tuyến đường sắt đô thị số 4, Hà Nội), qua ga Gia Bình (kết nối với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình) đến ga Hạ Long Xanh (kết nối với tuyến đường sắt Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái): đường đôi, khổ 1.435 mm, chiều dài khoảng 124 km".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ hai: "- nghiên cứu chuyển các hạng mục hạ tầng đã đầu tư đoạn Lim - Phả Lại để làm đường sắt địa phương, công trình hạ tầng giao thông hoặc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội để khai thác hiệu quả, phù hợp mô hình tổ chức không gian mới của các địa phương".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ ba: "- Tuyến vành đai phía Đông - thành phố Hà Nội từ ga Ngọc Hồi đến ga Kim Sơn: đường đôi, khổ 1435 mm, chiều dài khoảng 31 km".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ tư: "- Tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng từ điểm nối ray đường sắt biên giới Việt Nam - Trung Quốc (tỉnh Lào Cai) đến ga Nam Hải Phòng (thành phố Hải Phòng): đường đôi, khổ 1435 mm, chiều dài khoảng 363 km; bố trí đường nhánh kết nối một số khu bến cảng thuộc cảng biển Hải Phòng như Lạch Huyện, Nam Đồ Sơn, Đình Vũ".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ năm: "- Tuyến Vũng Áng - Mụ Giạ từ cảng Vũng Áng đến điểm nối ray đường sắt biên giới Việt Nam - Lào (đèo Mụ Giạ): đường đơn, khổ 1435 mm, chiều dài khoảng 105 km".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ sáu: "- Tuyến Biên Hòa - Vũng Tàu từ ga An Bình đến ga Vũng Tàu và tuyến nhánh Phước Tân - Trảng Bom: đường đôi, khổ 1435 mm, chiều dài khoảng 132 km".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ bảy: "- Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau từ ga An Bình đến ga Cần Thơ; định hướng kéo dài đến Cà Mau khi nhu cầu vận tải đủ lớn: đường đôi, khổ 1435 mm, tổng chiều dài khoảng 320 km".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ tám: "- Tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh từ ga An Bình đến cửa khẩu Hoa Lư: đường đôi, khổ 1435 mm, chiều

dài khoảng 128 km, trong đó đoạn Chơn Thành - Lộc Ninh triển khai đầu tư khi có nhu cầu kết nối liên vận quốc tế hoặc vận tải trong nước đủ lớn".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ chín: "- Tuyến Thủ Thiêm - Long Thành từ ga Thủ Thiêm đến ga Cảng hàng không quốc tế Long Thành chuyển thành đường sắt đô thị (không thuộc quy hoạch đường sắt quốc gia), giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cập nhật vào quy hoạch tỉnh và các quy hoạch liên quan".

- Bổ sung vào điểm b, gạch đầu dòng thứ mười: "- Tuyến Tháp Chàm - Đà Lạt từ ga Tháp Chàm đến ga Đà Lạt: đường đơn, khổ 1000 mm, chiều dài khoảng 84 km, khôi phục đáp ứng nhu cầu phục vụ du lịch".

- Bổ sung vào điểm b, gạch đầu dòng thứ mười một: "- Tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng từ ga Gia Lâm (thành phố Hà Nội) qua Đồng Đăng (Lạng Sơn) đến điểm nối ray đường sắt biên giới Việt Nam - Trung Quốc (tỉnh Lạng Sơn): đường đôi, khổ 1435 mm, chiều dài khoảng 156 km; nghiên cứu đầu tư trước năm 2030".

- Bổ sung vào điểm b, gạch đầu dòng thứ mười hai: "- Tuyến Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái từ ga Nam Hải Phòng đến điểm nối ray đường sắt biên giới Việt Nam - Trung Quốc (tỉnh Quảng Ninh): đường đôi, khổ 1435 mm, chiều dài khoảng 187 km; nghiên cứu đầu tư trước năm 2030".

c) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung khoản 2 mục II Điều 1 như sau:

Sửa đổi đoạn: "Mạng lưới đường sắt quốc gia được quy hoạch gồm 25 tuyến, chiều dài khoảng 6.658 km. Cụ thể như sau:".

Sửa đổi điểm b, các tuyến đường sắt mới:

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ nhất: "- Hoàn thành các tuyến đường sắt trên các hành lang trọng yếu: tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Đồng Đăng, Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái, Vũng Áng - Mụ Giạ, Biên Hòa - Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Tây Ninh), Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ hai: "- Từng bước xây dựng các tuyến đường sắt kết nối vùng, liên vùng phù hợp nhu cầu từng giai đoạn: đường sắt ven biển Ninh Bình - Hưng Yên - Hải Phòng, Thái Nguyên - Tuyên Quang - Lào Cai, Mỹ Thủy - Lao Bảo (kết nối với Lào), Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh, đường sắt kết nối các tỉnh khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Gia Lai - Đắk Lắk - Lâm Đồng - Đồng Nai kết nối với các tuyến đường sắt Bắc - Nam tại ga Đà Nẵng mới, kết nối với tuyến đường sắt Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh tại ga Chơn Thành), Cần Thơ - Cà Mau; hoàn thành các tuyến đường sắt tại các khu đầu mối."

d) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung khoản 3 mục II Điều 1 như sau:

Sửa đổi đoạn: "Mạng đường sắt Việt Nam kết nối xuyên Á, kết nối Á - Âu thông qua đường sắt Trung Quốc tại cửa khẩu Hữu Nghị, Lào Cai và Móng Cái; kết nối với đường sắt ASEAN qua Lào tại Mụ Giạ, Lao Bảo, qua Campuchia tại Mộc Bài và Lộc Ninh, cụ thể:".

- Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất: "- Kết nối với đường sắt Trung Quốc thông

qua các tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Hải Phòng - Hạ Long - Móng Cái".

- Sửa đổi gạch đầu dòng thứ hai: "- Kết nối với đường sắt Lào thông qua tuyến Vũng Áng - Mụ Giạ và tuyến Mỹ Thủy - Lao Bảo".

- Sửa đổi gạch đầu dòng thứ ba: "- Kết nối với đường sắt Campuchia thông qua tuyến Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Tây Ninh) và Thành phố Hồ Chí Minh - Lộc Ninh".

đ) Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung khoản 4 mục II Điều 1 như sau:

- Sửa đổi điểm a, gạch đầu dòng thứ nhất: "- Đường sắt quốc gia qua Hà Nội đi theo các tuyến/đoạn tuyến: đoạn Thạch Lỗi - Kim Sơn (thuộc tuyến Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng), vành đai phía Đông đoạn Kim Sơn - Ngọc Hồi, vành đai phía Tây đoạn Ngọc Hồi - Thạch Lỗi. Quy mô đường đôi, khổ 1435 mm. Chuyển đoạn Ngọc Hồi - Gia Lâm thành đường sắt địa phương, phương án xây dựng bảo đảm đón, trả khách giữa Tổ hợp Ngọc Hồi, ga Gia Lâm với trung tâm Hà Nội thuận lợi, hiệu quả, không làm gián đoạn hoạt động vận tải đường sắt, trong đó: đoạn Gia Lâm - Yên Viên đường đôi, khổ 1435 mm (bố trí chung hành lang, riêng hạ tầng với đường sắt đô thị); đoạn Gia Lâm - Lạc Đạo đường đơn, khổ 1000 mm (bố trí chung hành lang, riêng hạ tầng với đường sắt đô thị)."

- Bổ sung sau gạch đầu dòng thứ nhất: "Duy trì, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động đường sắt các tuyến đường sắt khổ 1000 mm phía Bắc và phía Nam sông Hồng qua khu vực Hà Nội cho đến khi xây dựng hoàn thành, đưa vào khai thác các tuyến đường sắt vành đai phía Đông thành phố Hà Nội, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng".

- Sửa đổi điểm a, gạch đầu dòng thứ hai: "- Các ga đầu mối hành khách kết nối đường sắt quốc gia và đường sắt đô thị khu vực Hà Nội gồm: Ngọc Hồi, Gia Lâm, trong đó: tổ hợp ga Ngọc Hồi là ga đầu mối hành khách phía Nam có chức năng ga lập tàu của đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị; khu đề-pô của đường sắt đô thị, đường sắt quốc gia và đường sắt tốc độ cao. Các ga đầu mối Yên Viên, Hà Nội, Giáp Bát và các cơ sở chỉnh bị đầu máy, toa xe sẽ chuyển chức năng sau khi hoàn thành các hạng mục đủ điều kiện để bàn giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xây dựng đường sắt địa phương, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động vận tải đường sắt. Ga Gia Lâm là ga đầu mối hành khách phía Bắc kết hợp đường sắt đô thị và đường sắt quốc gia (khổ 1435 mm, khổ 1000 mm). Ga Thường Tín (mới), ga Yên Thường là ga đầu mối hàng hóa".

- Bổ sung vào điểm a, gạch đầu dòng thứ ba "01 tổ hợp công nghiệp đường sắt với diện tích khoảng 250 ha thuộc xã Chuyên Mỹ và xã Ứng Hòa, thành phố Hà Nội".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ nhất: "- Đường sắt quốc gia khu vực Thành phố Hồ Chí Minh gồm tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh hiện có (điểm cuối tại ga An Bình), đường sắt tốc độ trên trục cao Bắc - Nam (điểm cuối tại ga Thủ Thiêm), tuyến đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu (điểm đầu tại ga An Bình và tuyến nhánh Phước Tân - Trảng Bom), các tuyến đường sắt Thành phố Hồ

Chí Minh - Cần Thơ, Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (Tây Ninh) kết nối với đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh thông qua đoạn tuyến An Bình - Tân Kiên. Quy hoạch đoạn An Bình - Sài Gòn (Hòa Hưng) - Tân Kiên là đường sắt quốc gia khổ 1435 mm; kết nối đường sắt khu đầu mối Thành phố Hồ Chí Minh với tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam thông qua đoạn tuyến Trảng Bom - Cẩm Mỹ; kết nối từ ga Thủ Thiêm đến Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất thông qua đường sắt đô thị".

- Sửa đổi điểm b, gạch đầu dòng thứ hai: "- Ga đầu mối hành khách là ga Thủ Thiêm, ga An Bình, ga Tân Kiên; ga đầu mối hàng hóa là ga Trảng Bom, ga An Bình, ga Tân Kiên".

- Sửa đổi điểm c, gạch đầu dòng thứ nhất "- Tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng có điểm cuối tại khu bến cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, bố trí đường nhánh kết nối một số khu bến cảng Nam Đồ Sơn, Đình Vũ; nghiên cứu xây dựng tuyến đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng".

- Sửa đổi điểm c, gạch đầu dòng thứ hai: "- Tuyến đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu kết nối với cảng Cái Mép - Thị Vải".

- Sửa đổi điểm d, gạch đầu dòng thứ nhất: "- Khu vực ga Đà Nẵng: di dời ga Đà Nẵng ra khỏi trung tâm thành phố về phía Tây nhà ga hiện tại, cải tạo tuyến đường sắt hiện có đi song song về phía Đông đường bộ cao tốc, cùng hành lang với đường sắt tốc độ cao; xây dựng nhà ga hàng hóa tại khu vực Kim Liên để kết nối với cảng Liên Chiểu. Lộ trình thực hiện trước năm 2030".

- Sửa đổi điểm đ, gạch đầu dòng thứ tư: "- Với các cảng hàng không: Kết nối cảng hàng không quốc tế Nội Bài qua hai tuyến đường sắt đô thị Hà Nội (tuyến số 2 và tuyến số 6); kết nối Cảng hàng không thứ hai Hà Nội qua tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 1A; kết nối Cảng hàng không quốc tế Gia Bình qua tuyến đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh và tuyến đường sắt đô thị Hà Nội số 9 kéo dài; kết nối Cảng hàng không quốc tế Long Thành qua tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam và tuyến đường sắt đô thị Thủ Thiêm - Long Thành; kết nối giữa Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất và Cảng hàng không quốc tế Long Thành bằng tuyến đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh số 2, 6 và tuyến đường sắt đô thị Thủ Thiêm - Long Thành".

e) Sửa đổi khoản 1 mục III Điều 1 như sau: "1. Quy mô, chiều dài trong quy hoạch được tính toán theo nhu cầu dự báo với tầm nhìn dài hạn. Trong quá trình triển khai, tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng nguồn lực đầu tư và khả năng kết nối, cấp quyết định chủ trương đầu tư quyết định việc phân kỳ đầu tư bảo đảm hiệu quả dự án".

f) Sửa đổi khoản 2 mục IV Điều 1 như sau: "Tổng nhu cầu quỹ đất dành cho đường sắt đến năm 2030 khoảng 28.146ha".

g) Sửa đổi mục V Điều 1 như sau: "Tổng nhu cầu vốn đến năm 2030 khoảng 1.512.022 tỷ đồng sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác".

h) Sửa đổi một số nội dung mục VI Điều 1 như sau:

- Sửa đổi khoản 1 như sau: “1. Tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam từ Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh”.

- Sửa đổi khoản 3 như sau: “3. Triển khai các tuyến, đoạn tuyến đường sắt mới tăng cường kết nối (ưu tiên xây dựng các tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Biên Hoà - Vũng Tàu để kết nối cảng biển khu vực Hải Phòng, Cái Mép - Thị Vải, đường sắt đầu mối Hà Nội)”.

i) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ ba khoản 1 mục VII Điều 1 như sau: “- Xây dựng, ban hành các chính sách mạnh, tạo đột phá và nhất quán, dài hạn để khuyến khích phát triển công nghiệp đường sắt. Tập trung ưu tiên phát triển công nghiệp đường sắt đồng bộ với các ngành công nghiệp khác; tận dụng tối đa các cơ sở, nhà máy sẵn có của các ngành công nghiệp dân sự và quốc phòng (công nghiệp tàu thủy, ô tô, quốc phòng,...); nghiên cứu xây dựng cơ chế đặt hàng cho một số doanh nghiệp trong nước có quy mô lớn, có năng lực để dẫn dắt quá trình phát triển công nghiệp đường sắt”.

k) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ hai khoản 3 mục VII Điều 1 như sau: “- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại, sử dụng năng lượng hiệu quả, sử dụng nhiên liệu sạch, năng lượng điện, năng lượng tái tạo và các dạng năng lượng thay thế khác trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt. Từng bước đầu tư mới và chuyển đổi phương tiện đường sắt sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang sử dụng điện, năng lượng xanh. Khuyến khích chuyển đổi trang thiết bị xếp dỡ tại các nhà ga đường sắt sang thiết bị sử dụng điện, năng lượng xanh”.

m) Sửa đổi một số nội dung khoản 7 mục VII Điều 1 như sau:

Bổ sung trước gạch đầu dòng thứ nhất: “- Ưu tiên xây dựng đường sắt kết nối các cảng biển cửa ngõ quốc tế. Các cảng biển loại 1 trở lên phải có đường sắt kết nối vào cảng”.

Bổ sung trước gạch đầu dòng thứ nhất và sau nội dung bổ sung nêu trên: “- Nghiên cứu cho phép một số tuyến đường sắt có công năng lưỡng dụng khai thác chung đường sắt đô thị và đường sắt quốc gia để khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng đường sắt, tăng cường kết nối, tăng tính thuận tiện cho hành khách vào trung tâm các thành phố lớn như thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh”.